

**PHÁP LỆNH**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 04 PHÁP LỆNH**  
**CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUY HOẠCH**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị quyết số 74/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV;*

*Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch của Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng số 02/2008/PL-UBTVQH12, Pháp lệnh Quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH13, Pháp lệnh Thư viện số 31/2000/PL-UBTVQH10, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Tiết lộ bí mật nhà nước về xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng trong quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng, kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, kết quả khoa học, công nghệ có liên quan đến công nghiệp quốc phòng, nhiệm vụ sản xuất sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Chương III như sau:

**“Chương III**

**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**

**Điều 12. Kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng**

1. Kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng phải tuân thủ nguyên tắc được quy định tại Điều 4 Pháp lệnh này và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng và nguồn lực của đất nước để xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự ngày càng hiện đại, tiên tiến;

b) Bảo đảm cân đối, đồng bộ, có quy mô hợp lý, được bố trí phù hợp tại các địa bàn chiến lược;

c) Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Căn cứ để xây dựng kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng bao gồm:

a) Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

b) Chiến lược bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự cho lực lượng vũ trang nhân dân;

c) Quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng;

d) Kế hoạch phát triển công nghiệp quốc gia, khả năng cân đối các nguồn lực đầu tư của Nhà nước cho xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng.

3. Nội dung kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng bao gồm:

a) Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng điểm;

b) Tổ chức hệ thống cơ sở công nghiệp quốc phòng;

c) Cân đối các nguồn lực, điều kiện bảo đảm, giải pháp thực hiện.

### **Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng**

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Tài chính và cơ quan nhà nước có liên quan xây dựng kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

### **Điều 14. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư về công nghiệp quốc phòng**

Căn cứ vào quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng, kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Tài chính và cơ quan nhà nước có liên quan xây dựng chương trình, dự án đầu tư về công nghiệp quốc phòng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và tổ chức thực hiện.



**Điều 15. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư về công nghiệp quốc phòng**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương, Bộ Tài chính và bộ, ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng trong quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư về công nghiệp quốc phòng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

**“Điều 19. Đất phục vụ công nghiệp quốc phòng**

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng trong đó có đất phục vụ công nghiệp quốc phòng.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng trong đó có đất phục vụ xây dựng và phát triển cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 như sau:

“2. Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch, nhiệm vụ về công nghiệp quốc phòng, nội dung xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng trong quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng.”.

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 của Pháp lệnh Quản lý thị trường**

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 như sau:

“a) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển lực lượng Quản lý thị trường;”.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 24 của Pháp lệnh Thư viện**

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 24 như sau:

“1. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển các loại hình thư viện; tổ chức lập phương án phát triển mạng lưới thư viện trong quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao và các quy hoạch khác có liên quan;”.

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 34a của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng**

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 34a như sau:



“2. Tổ chức lập quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch; tổ chức quản lý hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng;

3. Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng phương án xác định các công trình ghi công liệt sĩ trong các quy hoạch có liên quan; quy định về công tác quản lý các công trình ghi công liệt sĩ;”.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

*Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2018*  
**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  
**CHỦ TỊCH**  
**Đã ký: Nguyễn Thị Kim Ngân**

**VĂN PHÒNG**  
**CHỦ TỊCH NƯỚC**

Số: 33 /SY-VPCTN

**SAO Y BẢN CHÍNH**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018*  
**KT. CHỦ NHIỆM**  
**PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Phạm Thanh Hà**

